

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH THÍ SINH THAM GIA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI NĂM 2025

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
Tiếng anh Bậc 1																		
1	Nguyễn Thị Nhật Quỳnh		31/8/2003	An Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học công tác xã hội (QNUA/0005364)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0011244)				Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Công tác xã hội		Trung tâm Y tế An Nhơn	Cao đẳng ngành Công tác xã hội	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	
Tiếng anh Bậc 2																		
2	Nguyễn Thị An		13/6/2002	phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin DND.6.0174465						Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
3	Hồ Thảo Quỳnh Anh		10/9/1997	Tổ dân phố 4 xã Đak Đoa tỉnh Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 000341	HSK4 cấp ngày 07/11/2020	CNTTCB (QH53202310510) Đại học KHTN tp.HCM				Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học		Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
4	Ngô Thị Vân Anh		24/4/2002	Thôn Hoàng Yên, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng A0004464	Tiếng Nhật N4	Tin học ứng dụng ngành điều dưỡng (Đại học Đông Á)				Trung tâm y tế Chư Prông	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Chư Pưh	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
5	Nguyễn Thị Vân Anh		25/02/1995	166 Nguyễn Bình, phường An Khê, TP Đà Nẵng	Cử nhân Điều dưỡng 14499772						Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng		Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
6	Phạm Thị Ánh		08/6/1992	Thôn Hợp Nhất, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán (1147080)		Tin học B 0075842				Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
7	Puih Ayiu		01/01/1999	xã Gào, tỉnh Gia Lai	Cử nhân xã hội học QH26201905405		Tin học đại cương 0583/45T-ĐC19		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành công tác xã hội		Trung tâm y tế Ayun Pa	Chuyên viên	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	không xét NV2 (NV2 không cùng chức danh nghề nghiệp dự tuyển với NV1)
8	Trần Xuân Bảo	12/11/1986		Bồng Sơn, Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin (417566)						Trung tâm Y tế Hoài Ân	Đại học ngành Công nghệ thông tin				Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
9	Phạm Thị Thanh Bình		04/5/2003	phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Đại học chuyên ngành báo chí DND.60182276		CNTTCB DND.II.0063724				Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Biên tập viên hạng III				Biên tập viên hạng III	V.11.01.03	
10	Nguyễn Thị Bình		25/10/1995	Thôn 4, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1538608		Tin học B A2083194				Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành điều dưỡng	Trạm Y tế xã Biển Hồ	Trung tâm Y tế Pleiku	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	không xét NV2 (vị trí dự tuyển NV2 không cùng trình độ chuyên môn với NV1)
11	Nguyễn Thị Thanh Bình		09/02/2000	Vĩnh Quang, Gia Lai	Cử nhân Luật (BSUL.B.0010504)		Ứng dụng CNTT cơ bản (00112227)				Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	
12	Nhữ Mạnh Cầm	21/12/1999		Hội Phú, Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin (QNUA.0000029)				Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
13	Trần Minh Công	24/02/2001		Tây Sơn, Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin (28453)						Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin				Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
14	Huỳnh Ngọc Bích Châu		16/4/2000	Bình Định, Gia Lai	Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (VLB10888)					Khoa xét nghiệm	Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa xét nghiệm	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
15	Đỗ Thị Linh Chi		16/6/1998	xã Chư Puh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng A0000354						Trung tâm y tế Chư Puh	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
16	Nguyễn Thị Phương Chi		30/3/1999	Đê Gi, Gia Lai	Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (001796)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0009083)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học		Trung tâm Y tế An Khê	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
17	Vũ Thị Chinh		18/10/2000	xã Suối Trai, tỉnh Đak Lak	Đại học Quản trị kinh doanh A010929		CNTTCB 022735				Trung tâm y tế Krông Pa	Đại học ngành Quản trị kinh doanh				Chuyên viên	01.003	
18	Nguyễn Trần Khánh Du		01/7/2002	03 Trần Văn Hai, thôn 3, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học ngành Luật kinh tế E0048079						Bệnh viện 331	Đại học ngành Luật		Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
19	Phan Hoàng Thùy Dung		26/02/1995	xã Khang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng E0119822					Trạm Y tế xã KBang	Trung tâm y tế KBang	Đại học ngành Y tế công cộng	Trạm Y tế xã Tơ Tung	Trung tâm y tế KBang	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	
20	Ngô Thùy Dung		08/11/2000	xã Cửu An, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán CN003007						Trung tâm y tế Khang	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
21	Vũ Văn Duy	24/7/2002		xã Suối Trai, tỉnh Đắk Lak	Đại học Công nghệ thông tin PTA.0002851						Trung tâm y tế Krông Pa	Đại học ngành Công nghệ thông tin				Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
22	Đặng Cao Kỳ Duyên		21/7/1999	xã Hra, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản trị kinh doanh VL-B0578		CNTTCB QH53202325942				Trung tâm Y tế Khang	Đại học ngành Quản trị kinh doanh				Chuyên viên	01.003	
23	Ksor H' Duyệt		12/3/2002	xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0184134		CNTTCB DND.11.00717871		Người dân tộc thiểu số	phòng Dân số	Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành điều dưỡng	phòng Dân số	Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
24	Nguyễn Thị Ánh Dương		21/10/1997	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân xét nghiệm y học (BA00917)		Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000836)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
25	Dương Viết Đạt	27/10/2002		xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0173311		CNTTCB DND.11.0060963				Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng		Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
26	Lê Thanh Đạt	03/7/1997		Tuy Phước, Gia Lai	Đại học quản trị kinh doanh (0062485)						Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	
27	Nguyễn Thị Đất		06/08/1998	Ngô Mây, Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước (A.0000461)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0836778)				Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành: Quản lý nhà nước		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Quản lý nhà nước	Chuyên viên	01.003	
28	Phạm Thị Hải Diễm		18/4/2002	346 Lê Lợi, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng 7116788		CNTTNC N.007580				Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
29	Nguyễn Thị Đoan		30/9/1993	Phù Mỹ, Gia Lai	Đại học kế toán (1234755)						Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
30	Nguyễn Thành Đức	10/10/1991		Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Đại học Quản lý nhà nước (0005946)		Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000555)	Trung cấp Quản sự cơ sở (L005853)	Tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân		Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành: Quản lý nhà nước				Chuyên viên	01.003	
31	Trần Hoàng Gia	15/7/1991		xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư khoa học máy tính 11707/72KH2/2014						Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Khoa học máy tính		Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
32	Trần Thị Thu Hà		30/4/1996	xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 1748657	Tiếng Hoa B QH40201905418 NC: 30/9/2019	CNTTNC 0034821				Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Luật		Bệnh viện 331	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
33	Nguyễn Thị Hạnh		17/8/2000	Thôn Chư Bô 1, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 0003178	Tiếng Nhật N4	Tin học ứng dụng Đại học Đồng Á				Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
34	Cao Vũ Hiếu Hạnh		18/11/2001	Van Đức, Gia Lai	Cử nhân Kế toán tổng hợp (QNU A.0004505)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0004074)				Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành Kế toán		Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
35	Hồ Thị Hằng		25/4/1999	xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng (001184)						Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng		Bệnh viện 331	Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
36	Lê Thị Thu Hằng		03/12/2001	phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 000695		CNTTCB 0052709				Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
37	Trần Xuân Hiệp	06/10/2000		Bình Khê, Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin (GTS-ĐH 012617)	TOEIC 630 (GREEN4273473) NC: 24/3/2023					Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
38	Vũ Thị Trung Hiếu		25/02/2001	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học Luật (UL.B.0008969)						Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Đại học ngành: Luật				Chuyên viên	01.003	
39	Nguyễn Duy Hiếu	05/12/1997		phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học1804123		CNTTCB 1201585				Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
40	Đinh Văn Hình	14/6/1999		Sơn Thủy, Quảng Ngãi	Đại học quản lý nhà nước (QNUA.0007917)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0006639)		Người dân tộc thiểu số	Phòng Tổ chức - hành chính	Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Quản lý nhà nước	Phòng Tổ chức - hành chính	Trung tâm Y tế Đăk Đoa	Đại học ngành: Quản lý nhà nước	Chuyên viên	01.003	
41	Rah Lan H'Koi		11/02/2003	xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng số hiệu: A0005256	Tiếng Nhật NG21A2B	CNTTCB 93115		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
42	Ksor H'Ngem		19/02/2000	TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Đại học điều dưỡng (A.0001168)		CNTTCB C00093012		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm Y tế Ayun Pa	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Phú Thiện	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
43	Siu H'Nhâm		13/8/1999	TDP12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng A0001170				Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Phú Thiện	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
44	Đoàn Thị Hồng Hoa		05/9/1990	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Cử nhân ngành điều dưỡng (1267290)						Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng		Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
45	Nguyễn Thị Diễm Hòa		21/5/1997	xã Ia Tôt, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng 1660316		CNTTCB 0778007				Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Chư Prông	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
46	Lê Thị Hòa		04/6/1998	xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật kinh tế 1125/947/08.2020/16 036601	Toeic 535 ngày cấp 14/09/2019	CNTTCB 0586534				Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Luật				Chuyên viên	01.003	
47	Hồ Thị Thanh Hoài		01/12/1997	xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 1644/DHCQ.K15.2019						Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Chư Puh	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
48	Đinh Thị Hoài		26/09/2000	Vạn Đức, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (A0004216)				Người Dân tộc thiểu số		Bệnh viện Y được cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng		Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
49	Nguyễn Lê Hoàng		11/8/2002	phường An Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật HCH.6.002854		CNTTCB ĐN.11.0067272				Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Luật		Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
50	Lê Thị Ngọc Huệ		25/02/2002	Bình An, Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng (CN001005)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C00124983)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng		Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
51	Lê Quang Huy	19/12/2000		Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân chuyên ngành Luật E0033602		CNTTCB C0001231	Tiếng Jrai 328/CĐSP			Bệnh viện 331	Đại học ngành Luật		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
52	Nguyễn Vũ Huy	21/10/2002		phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công nghệ phần mềm 7120926						Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
53	Nguyễn Thị Thu Huyền		29/4/2001	xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật BS.UL.B.0011071						Trung tâm y tế Chư Puh	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
54	Lê Thị Huyền		10/01/2003	119 Trần Hưng Đạo, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng CN001676		CNTTCB C00152168				Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành điều dưỡng		Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
55	Trần Thị Huyền		05/6/1989	phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 0044515	GXN Tiếng anh A2 cấp 29/10/2025 TT GDNN thuộc Học viện ANND	CNTTCB C00206129 cấp 16/10/2025 TT ngoại ngữ, tin học EduViet				Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
56	Đặng Thị Thanh Huyền		28/11/1994	TDP 6 Thành An, phường An Khê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 1430970	Toeic 525 điểm ngày cấp 29/7/2016	Tin học B A2342610				Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế An Khê	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
57	Triệu Thị Huyền		01/4/1998	phường An Phú, TPHCM	Đại học Quản lý nhà nước 004195				Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Khang	Đại học ngành Quản lý nhà nước				Chuyên viên	01.003	
58	Lê Bảo Hưng	07/10/2001		47 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật phần mềm (số hiệu: 7112976)						Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
59	Lê Thị Hương		29/11/1998	xã Uar, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật A000717/X02 CN						Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
60	Trần Thị Thu Hương		22/11/2001	An Nhơn, Gia Lai	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm Y học (CN000856)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.T1.0026221)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học		Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
61	Lại Thị Diễm Hương		25/7/1999	Làng Sung Le Tung, xã Ia Đok, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước 004193	Tiếng anh B2 (không có số hiệu, không có ngày cấp) TT ngoại ngữ, tin học EduViet	CNTTCB 0008006				Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Quản lý nhà nước		Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Quản lý nhà nước	Chuyên viên	01.003	không xét NV2 (NV2 trùng vị trí và đơn vị dự tuyển với NV1)
62	Jững	11/3/2001		Làng Djeong, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng CN000898		CNTTCB C00141338		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Y tế công cộng		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	
63	Ksor H' Kiên		30/12/2000	xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước DND.6.0155712		CNTTNC 0009747		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Quản lý nhà nước		Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Quản lý nhà nước	Chuyên viên	01.003	
64	Hồ Đắc Khải	15/01/2002		phường An Bình, tỉnh Gia Lai	Đại học Kế toán E0053556						Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học ngành Kế toán		Trung tâm y tế Kống Chro	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
65	Ngô Thị Mai Lan		17/9/2000	xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng A002422		CNTTCB C00189369				Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
66	Hồ Thị Lập		25/6/2000	xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân công tác xã hội LDXH018110		CNTTNC QH54202001416		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành công tác xã hội		Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành công tác xã hội	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	
67	Trần Nhật Lệ		10/11/1999	phường An Bình, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học E0011666						Trung tâm y tế An Khê	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học				Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	
68	Nguyễn Thị Ngọc Liên		04/02/2003	xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng CN001680		CNTTCB C00192236				Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
69	Đỗ Thị Thủy Linh		20/9/1999	xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật 30016029	Toeic 550 điểm (064199006062) cấp ngày: 25/04/2022	Chứng chỉ tin học Word 2010, Excel 2010				Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Kông Chro	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
70	Nguyễn Thị Khánh Linh		25/12/2002	92 Phan Chu Trinh, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật kinh tế 7121044						Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Luật				Chuyên viên	01.003	
71	Nguyễn Thị Linh		09/02/1999	Thôn 2, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin DND.6.0143742						Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
72	Dương Diệu Linh		24/12/1997	Quy Nhơn, Gia Lai	Cử nhân Luật và Quản trị kinh doanh (2615)		Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001121)				Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	
73	Phạm Thị Loan		01/7/2002	An Bình, xã Cửu An, tỉnh Gia Lai	Đại học Kế toán LĐXH014432	Toeic 430 NC: 16/10/2023	CNTTNC QH5424				Trung tâm y tế Kbang	Đại học ngành Kế toán		Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
74	Nguyễn Thị Kiều Loan		17/02/2002	TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật HCH.6.002384		Tin học văn phòng HAU4-037996				Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Luật		Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
75	Nguyễn Văn Long	01/01/2000		xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin D035600						Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Trung tâm y tế Chư Pưh	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
76	Nguyễn Thị Xuân Lộc		09/12/2000	35 Tôn Đức Thắng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Đại học Kế toán 065553	Toeic 510 ngày cấp 08/9/2022	CNTTCB 0015934				Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán				Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
77	Nguyễn Tấn Lộc	15/09/2003		Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin (B019342)						Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
78	Mai Văn Lực	24/3/1996		Văn Canh, Gia Lai	Đại học luật (1748558)	Tiếng trung B (QH40201924809) Đại học KHTN Ngày cấp: 11/12/2019	Ứng dụng CNTT cơ bản (0500116)		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh	Đại học ngành: Luật				Chuyên viên	01.003	
79	Bùi Thị Khánh Ly		28/01/1997	103 Nguyễn An Ninh, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân công tác xã hội QH25201805325						Trung tâm y tế Phú Thiện	Đại học ngành công tác xã hội		Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành công tác xã hội	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	
80	Nguyễn Thị Khánh Ly		01/6/2003	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng (CN001609)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.0068019)				Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Điều dưỡng		Bệnh viện 331	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
81	Ngô Thị Minh Lý		05/9/2002	xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật E0047816	Tiếng Trung HSK3 NC: 15/10/2023	CNTTCB DPX.C.003928				Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Luật		Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
82	Lê Thị Mai		24/05/2002	xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng YHN4004218		CNTTCB QH53202416896				Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Đak Đoa	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
83	Lê Thị Hải Mì		22/02/2002	TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản trị kinh doanh 7120655	Tiếng Nhật A5 (N5) 108C00685	CNTTNC N.012689				Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Quản trị kinh doanh				Chuyên viên	01.003	
84	Nguyễn Duy Minh	24/8/2000		phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản trị kinh doanh DND.6.0156232	Tiếng anh A2 (GCN tạm thời) NC: 29/10/2025	CNTTCB DND.11.0039404				Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
85	Nguyễn Quang Minh	17/11/2002		92 Đặng Dung, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng BA05119	Giấy xác nhận Tiếng anh A2 (không có số hiệu, không có ngày cấp)	CNTTCB QH53202215131				Bệnh viện Y được cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku	Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
86	Nguyễn Thị Kiều My		04/6/1996	xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng 1804369		CNTTCB DND.1.1.0001381				Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Y tế công cộng		Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	
87	Trần Thảo My		09/9/2003	xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Đại học Luật 7123084		CNTTNC N012704				Trung tâm y tế Kông Chro	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Đak Pơ	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
88	Nguyễn Thị Diễm My		09/3/1994	Bình Định, Gia Lai	Đại học luật (1432292)						Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
89	Phan Ngọc My		08/10/1999	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin (số hiệu: 074355)						Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
90	Nay H' Noen		23/10/1998	xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 003217				Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Phú Thiện	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
91	Cáp Thị Nữ		11/11/1994	An Lương, Gia Lai	Đại học công tác xã hội (1322809)	Tiếng anh A2 (Giấy xác nhận kết quả thi CEFR 72 điểm)	Ứng dụng CNTT cơ bản (1240452)				Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành Công tác xã hội				Công tác xã hội viên	V.09.04.02	
92	Rơ Ô H' Ngăn		12/3/1997	xã Ia Rсай, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật ULB.000.8214				Người dân tộc thiểu số		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Quy Nhơn	Đại học ngành Luật		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
93	Nguyễn Lệ Hoàng Ngăn		05/11/2000	Canh Vinh, Gia Lai	Luật học (E0033609)	Tiếng anh B1 (không có số hiệu)					Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	
94	Lê Thanh Ngăn		19/5/1999	Đồng Xuân, Đắk Lắk	Đại học luật kinh tế (006052)	Chứng chỉ tiếng anh TOEIC 445 NC: 12/3/2021	Ứng dụng CNTT cơ bản (C00162761)				Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	
95	Trần Văn Nghênh	20/12/1979		phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin C795541						Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Trung tâm y tế Chư Păh	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
96	Phùng Thị Ngoan		22/4/1988	Nhà Công vụ C 15, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 0084064	Giấy xác nhận Tiếng anh A2 Viện khoa học quản lý giáo dục cấp ngày: 31/10/2025 (không có số hiệu) + tiếng Jrai	Tin học B 00299				Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
97	Mạn Thị Như Ngọc		20/04/2001	Tuy Phước, Gia Lai	Đại học Kế toán (QNUA. 0004491)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0001711)				Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
98	Bùi Thảo Nguyên		24/01/2000	xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân điều dưỡng A7106563		CNTTNC N005048				Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
99	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		21/04/2001	Làng Ngai Ngổ, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN000866						Trung tâm y tế Đăk Đoa	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học		Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
100	Nguyễn Văn Nhật	20/5/1998		xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin D030961						Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Công nghệ thông tin				Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
101	Nguyễn Thị Hoàng Nhật		20/05/2002	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học (CN001286)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0015552)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
102	Nguyễn Châu Yến Nhi		10/8/1999	Tuy Phước, Gia Lai	Cử nhân kế toán (B003625)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0316422)				Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
103	Nguyễn Thùy Nhung		11/12/1996	phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật kinh tế 1464241						Bệnh viện 331	Đại học ngành Luật		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
104	Nguyễn Thị Hồng Nhung		12/10/2000	xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật DND.6.0146416	Toeic 540 điểm (810058) ngày cấp 17/4/2022	CNTTNC DND.12.0002495				Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
105	Nguyễn Thị Nhung		20/02/2001	375 Hùng Vương, TDP 10, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật MBS60019010			Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở			Trung tâm y tế Krông Pa	Đại học ngành Luật				Chuyên viên	01.003	
106	Đặng Thị Hồng Nhung		08/05/1997	Hoài Ân, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (1763800)		Ứng dụng CNTT nâng cao (00098094)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng		Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
107	Lương Tổ Như		19/8/1997	xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng 1803694		CNTTCB 0007164				Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng		Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
108	Lê Thị Vân Oanh		12/6/1994	phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 1296509		Tin học A A2273617				Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
109	Lê Nguyễn Hoàng Phan	19/9/1999		Bình Dương, Gia Lai	Đại học quản lý nhà nước (002767)	Toeic NC: 05/4/2022	Ứng dụng CNTT cơ bản (017421)				Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Quản lý nhà nước		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Quản lý nhà nước	Chuyên viên	01.003	
110	Lê Thị Phúc		20/5/2001	xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật E003567						Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Luật		Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
111	Trương Thị Ngọc Phước		13/3/1990	47/16 Lê Đình Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 000916						Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
112	Nguyễn Thành Quang	20/05/1994		xã Hòa Phú, tỉnh Đak Lak	Cử nhân kế toán (008534)						Trung tâm y tế Chư Păh	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
113	Nguyễn Thị Ngọc Quyên		21/7/1996	Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học kế toán (C.2000044)						Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành Kế toán				Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
114	Phạm Thị Mai Quyền		20/3/2002	Cát Tiến, Gia Lai	Cử nhân ngành điều dưỡng (DND.6.01773328)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.T1.0054655)				Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
115	Nguyễn Thị Sương		22/3/1999	55 Hà Huy Tập, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị	Đại học Luật E0011320		CNTTCB C00020181				Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Luật		Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
116	Nguyễn Thị Thanh Tâm		09/11/2000	phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng PC01301						Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Y tế công cộng		Trung tâm y tế Pleiku	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	
117	Nguyễn Thị Minh Tâm		06/10/1993	phường An Khê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 450983		Tin học B A1156121				Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
118	Lê Hoàng Tiên		26/7/1993	phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công nghệ sinh học 1007941	GXN kết quả thi Tiếng anh A2 cấp ngày 23/9/2025-Học viện ANND TTGDNN, ĐTLX,NN,TH	GXN đã hoàn thành thi CNTTCB 331/GXN-EDUVIET cấp ngày 08/10/2025-TT ngoại ngữ, tin học EduViet				Bệnh viện 331	Đại học ngành Sinh học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
119	Nguyễn Văn Tiến	02/01/2000		xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công nghệ thông tin DND.6.0152819						Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
120	Đặng Hữu Tiến	12/8/2002		Phù Mỹ Nam, Gia Lai	Đại học công nghệ thông tin (SPK.BE 035705)						Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
121	Lê Trần Khánh Tin		19/01/2000	Vĩnh Thanh, Gia Lai	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học (001821)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0046274)				Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học		Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
122	Nguyễn Hồ Trung Tĩnh		28/11/1999	An Nhơn, Gia Lai	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học (001125)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0019080)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
123	Rơ Mah Tuyền		01/01/2002	xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA/0002053		CNTTCB 0009637		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Quản lý nhà nước				Chuyên viên	01.003	
124	Lê Thị Cẩm Tuyền		09/9/2001	Tuy Phước Đông, Gia Lai	Đại học Luật kinh tế (QH67202200510)	Tiếng anh TOEIC620 (052301014116) NC: 06/3/2023	Ứng dụng CNTT cơ bản (tạm thời)				Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	
125	Bùi Thị Ánh Tuyết		01/02/2003	51A Tôn Thất Thuyết, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng CN001750		CNTTCB C00186105				Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng		Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
126	Nguyễn Thị Liên Tư		02/6/1991	Phước Bình, xã Ân Hảo, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Xã hội học 106XHH/13/1 XB:00120/33KH2/2013						Trung tâm y tế Hoài Ân	Đại học ngành công tác xã hội				Công tác xã hội viên	V.09.04.02	
127	Nguyễn Xuân Thạch	20/11/1995		Phù Cát, Gia Lai	Đại học công nghệ thông tin (503335)					Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ-Điều dưỡng	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Công nghệ thông tin				Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
128	Võ Nguyễn Trúc Thanh		01/12/2003	Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Cử nhân ngành điều dưỡng (CN001709)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C00106384)				Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
129	Dương Viết Thành	27/10/2002		xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0173330		CNTTCB DND.11.0061055				Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành điều dưỡng		Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
130	Phạm Thị Bích Thành		23/10/1989	Canh Vinh, Gia Lai	Cử nhân Quản trị Kinh doanh (554166)		Tin học B (269962)				Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	
131	Hoàng Thị Thu Thảo		28/10/1997	Thôn Phú Mỹ, xã Ia Tờ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân ngành Quản lý nhà nước 000606		CNTTCB 0287961				Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành Quản lý nhà nước		Trung tâm y tế Pleiku	Đại học ngành Quản lý nhà nước	Chuyên viên	01.003	
132	Nguyễn Bích Thảo		06/02/1999	phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Báo chí DND.6.0141495						Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành báo chí				Phóng viên hạng III	V.11.02.06	
133	Mai Diệu Thảo		19/12/1998	Đề Gi, Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (BA05052)					Phòng khám đa khoa khu vực Cát Minh	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
134	Hoàng Xuân Thắng	25/8/1998		xã Khang, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin TDKS.108	Tiếng anh B1 (không có số hiệu)					Trung tâm y tế Khang	Đại học ngành Công nghệ thông tin			Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
135	Trần Quang Thắng	01/01/2000		phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Kỹ sư Công nghệ thông tin 002890						Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
136	Lại Thị Thi		19/3/1996	phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước 257699		CNTTCB 0272723				Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Quản lý nhà nước		Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học ngành Quản lý nhà nước	Chuyên viên	01.003	
137	Hồ Mai Thi		28/01/2002	xã Khang, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng BA02782						Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng		Bệnh viện 331	Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
138	Phạm Thị Kim Thoa		01/6/1992	xã Ia Phi, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Công nghệ thông tin (Dt/CN/10591)						Trung tâm Y tế Chư Păh	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện 331	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
139	Nguyễn Thị Hồng Thoại		17/12/2001	Bình Hiệp, Gia Lai	Đại học Quản trị Kinh doanh (7111028)						Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh		Bệnh viện 331	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	
140	Ksor H' Thoang		16/4/1998	xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật UL.B.0007984		CNTTCB QH53202107713		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
141	Trần Văn Thời	13/3/1992		Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học công nghệ thông tin (số hiệu: K2002019)				Học viên tốt nghiệp sĩ quan dự bị		Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
142	Nguyễn Thị Hoài Thu		24/6/1998	xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Quản lý nhà nước DND.6.0127912		CNTTNC DND.12.0004868				Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành Luật		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
143	Trần Thị Xuân Thu		01/9/1986	Quy Nhơn Đông, Gia Lai	Cử nhân quản trị kinh doanh (1032542)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0013426)				Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh		Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	
144	Đoàn Trần Sơn Thủy		18/4/2002	34 Quang Trung, thôn 3, xã Văn Canh, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật VL-6BA008860				Người dân tộc thiểu số		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Luật		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Quy Nhơn	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
145	Nguyễn Thị Thanh Thúy		26/11/2003	xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng YHN4004724						Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành điều dưỡng	Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2	Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đổi tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
146	Nguyễn Thị Phương Thủy		06/8/2000	Thôn Hưng Bình Tân Hợp, xã Ia Hung, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng 001596	Tiếng Nhật N5 16148640017	Giấy xác nhận ứng dụng CNTTCB (không có số hiệu) TT ngoại ngữ, tin học EduViet cấp ngày 03/11/2025				Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
147	Lê Thị Anh Thư		20/12/2002	Quy Nhơn, Gia Lai	Đại học Kỹ sư Kỹ thuật Y sinh (SPK.BE033741)						Bệnh viện Y được cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku	Kỹ sư hạng III		Bệnh viện Lao và bệnh phổi Pleiku	Kỹ sư hạng III	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	
148	Tô Thanh Thư		01/08/2003	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng (CN001634)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C00240232)				Trung tâm Y tế Tuy Phước	Đại học ngành Điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
149	Nguyễn Thị Trà		27/09/1993	Hội Sơn, Gia Lai	Cử nhân Tài chính Ngân hàng (1222610)		Ứng dụng CNTT B (A844234)				Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn	Đại học ngành Tài chính		Bệnh viện 331	Đại học ngành Tài chính	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
150	Nguyễn Trần Quỳnh Trang		16/01/2003	TDP 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đại học Kế toán LĐXH016587						Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành kế toán				Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
151	Trần Thị Thùy Trang		27/8/1985	phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 198628	Tiếng anh A2 (không có số hiệu, không có ngày cấp)	CNTTCB (không có số hiệu, không có ngày cấp)				Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán			Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
152	Hồ Thị Thu Trang		12/6/2001	72 Phan Đình Phùng, TDP 1, xã Chư Păh, tỉnh Gia lai	Cử nhân Điều dưỡng 7112603		CNTTNC N.010072				Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
153	Nguyễn Thị Ngọc Trang		05/4/2003	xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN0011908		CNTTCB C00186014				Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
154	Nguyễn Thùy Trang		05/4/1999	147 Nguyễn Huy Tường, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai	Đại học khoa học máy tính MBS 6 0008880						Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Khoa học máy tính		Bệnh viện 331	Đại học ngành Khoa học máy tính	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
155	Lê Thị Thùy Trang		02/9/1998	xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng TVU.1.054166						Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
156	Nguyễn Thị Thủy Trang		24/01/2001	TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng PC02372		CNTTCB PT000611				Trung tâm y tế Mang Yang	Đại học ngành Y tế công cộng		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	
157	Phan Thị Trang		16/10/1992	phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Kế toán 457180		Tin học B A1297725				Bệnh viện 331	Đại học ngành Kế toán		Bệnh viện Y được cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	
158	Mai Thị Huyền Trang		18/6/1993	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành y tế công cộng (1245562)					Trạm Y tế phường Quy Nhơn	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Trạm Y tế phường Quy Nhơn Nam	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	
159	Nguyễn Thị Thu Trang		23/8/2001	Chư A Thai, Gia Lai	Đại học kỹ thuật hình ảnh y học (CN000491)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.0046286)				Trung tâm Y tế Ayun Pa	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học				Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
160	Nguyễn Hải Huyền Trang		15/4/2001	Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Đại học quản trị kinh doanh (7120999)		Tin học Word, Power Point, Excell (SNRS-USTC)				Bệnh viện Y được cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh		Trung tâm Y tế Pleiku	Đại học ngành: Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	
161	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		02/07/1997	xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Y tế công cộng 000053	Toeic 450 điểm ngày cấp: 8/01/2019	CNTTCB 1122300				Trung tâm y tế Pleiku	Đại học ngành Y tế công cộng		Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	
162	Nguyễn Ngọc Trâm		01/11/2003	Plei Amarin 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học 005261		CNTTCB 019327				Trung tâm y tế Krông Pa	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học		Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
163	Nguyễn Thị Mỹ Trăn		15/7/2003	Cát Tiến, Gia Lai	Đại học kỹ thuật phục hồi chức năng (CN002024)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C00243403)				Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng		Bệnh viện Y được cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku	Đại học kỹ thuật phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
164	Lê Thuỷ Trăn		02/8/2003	An Khê, Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng (YDS.CN.004222						Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng		Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Đại học kỹ thuật phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	
165	Nguyễn Trần Huyền Trăn		18/10/2000	Nam Ninh Hoà, Khánh Hoà	Cử nhân luật kinh tế (LDXH007740)	Chứng chỉ tiếng anh TOIEC NC: 14/5/2022	Ứng dụng CNTT nâng cao (ULSA2NC0980-283QB-CSII)				Bệnh viện 331	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	
166	Phạm Đức Trung	09/12/2003		xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức (CN001839)	Giấy xác nhận kết quả thi Tiếng anh trình độ A2 (không có số hiệu)	CNTTCB C00193548				Bệnh viện 331	Đại học ngành điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
167	Rơ Ô H' Truyền		04/12/1998	Buôn Hdreh, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng A0000357				Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Chư Sê	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Chư Prông	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh)	Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1			Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2			Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ ngoại ngữ (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Trình độ tin học (ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)	Tiêu chuẩn khác		Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Khoa/phòng/trạm	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			
168	Phạm Tấn Trực	23/8/2001		43 Ngõ Gia Tư, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đại học Công nghệ thông tin 0164786						Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành Công nghệ thông tin		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
169	Siu H' Uyên		28/4/2000	xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Đại học Điều dưỡng TTN.CN.005319		CNTTCB 014008		Người dân tộc thiểu số		Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành điều dưỡng		Trung tâm y tế Phú Thiện	Đại học ngành điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	
170	Nguyễn Thị Thủy Vân		26/02/1991	xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Đại học Công tác xã hội 062557	Giấy xác nhận kết quả thi Tiếng anh A2 (không có số hiệu) cấp ngày 29/10/2025	Tin học B A1122180		Con thương binh		Trung tâm y tế Ia Grai	Đại học ngành công tác xã hội		Trung tâm y tế Đức Cơ	Đại học ngành công tác xã hội	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	
171	Võ Thị Hồng Vân		06/11/1997	Đăk Đoa, Gia Lai	Đại học luật (DND.6.0131306)	Tiếng anh A2 thi ngày 18/10/2025-Học viện ANND	Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.26481)				Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành: Luật		Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku	Đại học ngành: Luật	Chuyên viên	01.003	
172	Phạm Lương Tường Vi		30/10/1997	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Cử nhân luật kinh tế (1742852)						Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	Đại học ngành: Luật				Chuyên viên	01.003	
173	Nguyễn Tấn Việt	08/7/2000		Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Luật E0019304						Trung tâm y tế Ayun Pa	Đại học ngành Luật		Trung tâm y tế Ia Pa	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	
174	Trần Trương Anh Vũ	17/6/1999		Phù Mỹ, Gia Lai	Cử nhân kỹ thuật phần mềm (7102757)						Trung tâm Y tế Phù Mỹ	Đại học ngành Công nghệ thông tin				Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	
175	Trần Thị Thảo Vy		12/05/2003	Vĩnh Thanh, Gia Lai	Đại học Điều dưỡng (CN001654)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C00240242)				Trung tâm Y tế An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng				Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	

Tổng danh sách: 175 thí sinh